***Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai*** ***Đề cương địa lí 11***

**BÀI 6: HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ (TT)**

**TIẾT 2: KINH TẾ**

**I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ**

* Có quy mô nền kinh tế lớn nhất thế giới.
* Tổng GDP chiếm ¼ của thế giới (lớn hơn GDP của châu Á, gấp 14 lần GDP của châu Phi).
* GDP/ người rất cao: 39 739 USD (2004).

\* Nguyên nhân:

* Vị trí thuận lợi, tài nguyên giàu có.
* Lao động đông, trình độ cao.
* Không bị chiến tranh tàn phá,…
* …
1. **CÁC NGÀNH KINH TẾ**

***1. Dịch vụ***

- Phát triển mạnh với tỉ trọng GDP cao (79,4% năm 2004)

- Các hoạt động dịch vụ đa dạng, phạm vi hoạt động trên toàn thế giới.

a. Ngoại thương

- Chiếm 12% giá trị ngoại thương thế giới.

- Là nước nhập siêu lớn nhất thế giới.

b. Giao thông vận tải: Hiện đại và hoàn thiện bậc nhất thế giới.

c. Các ngành tài chính, thông tin liên lạc, du lịch: Phát triển rất mạnh, phân bố rộng khắp trên thế giới.

***2. Công nghiệp***

- Tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.

- Tỉ trọng trong GDP có xu hướng giảm.

- Gồm 3 nhóm ngành: CN chế biến, CN điện lực, CN khai khoáng; trong đó công nghiệp chế biến phát triển mạnh nhất (84,2% giá trị SXCN – năm 2004).

- Nhiều sản phẩm đứng hàng đầu thế giới: điện, ô tô, than đá …

- Cơ cấu ngành giá trị sản lượng giữa các ngành CN có sự thay đổi: giảm tỉ trọng CN truyền thống, tăng tỉ trọng CN hiện đại.

- Công nghiệp tập trung ở phía Đông Bắc, hiện nay có xu hướng chuyển dịch xuống phía nam và ven Thái Bình Dương với các ngành hiện đại.

***3. Nông nghiệp***

- Có nền nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới (chiếm 0,9% GDP).

- Cơ cấu nông nghiệp thay đổi: giảm tỉ trọng thuần nông, tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp. - Phân bố sản xuất nông nghiệp có sự phân hoá lớn giữa các vùng.

- Hình thức tổ chức SX chủ yếu là trang trại (trung bình 176ha/1 trang trại).

- Là nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.

**CÂU HỎI – BÀI TẬP**

Câu 1. Nền kinh tế Hoa Kỳ giữ vị trí hàng đầu thế giới từ

A. năm 1790

B. năm 1890

C. sau chiến tranh thế giới thứ nhất

D. sau chiến tranh thế giới thứ hai

Câu 2. Đặc điểm chung của nền kinh tế Hoa Kỳ là

A. có qui mô lớn, tính chuyên môn hóa cao, nền kinh tế thị trường điển hình

B. có qui mô lớn, nền kinh tế thị trường điển hình, sức mua của dân cư lớn

C. công nghiệp phát triển, tính chuyên môn hóa rõ rệt, sức mua của dân cư lớn

D. phát triển mạnh cả ở 3 khu vực, nhất là công nghiệp và dịch vụ

Câu 3. Hoạt động dịch vụ của Hoa Kỳ phát triển rất mạnh và chiếm tỉ trọng rất cao

trong GDP. Năm 2004. tỉ trọng dịch vụ chiếm khoảng

A. 62,1%

B. 72,1%

C. 74,9%

D. 79,4%

Câu 4. Trong thời kỳ 1990-2004, giá trị nhập siêu của Hoa Kỳ ngày càng lớn, giá trị

nhập siêu năm 2004 đạt

A. gần 700 tỉ USD

B. 705 tỉ USD

C. gần 707 tỉ USD

D. trên 707 tỉ USD

Câu 5. Hoa Kỳ có số sân bay nhiều

A. nhất thế giới

B. thứ hai trên thế giới

C. thứ ba trên thế giới

D. thứ tư trên thế giới

Câu 6. Năm 2004, tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp trong GDP của Hoa Kỳ chiếm

A. 17,9%

B. 19,7%

C. 33,9%

D. 39,3%

Câu 7. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ là sản phẩm của

ngành

A. nông nghiệp B. thủy sản

C. công nghiệp chế biến D. công nghiệp khai khoáng

Câu 8. Hiện nay, sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ đang mở rộng xuống vùng

A. phía Tây Bắc và ven Thái Bình Dương

B. phía Nam và ven Thái Bình Dương

C. phía Đông Nam và ven vịnh Mêhicô

D. ven Thái Bình Dương và vịnh Mêhicô

Câu 9. Trước đây, sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở vùng

A. Phía Đông B. Đông Bắc

C. ven vịnh Mêhicô D. ven bờ Thái Bình Dương

Câu 10. Hiện nay các ngành công nghiệp hiện đại của Hoa Kỳ tập trung ở vùng

A. Phía Tây Bắc và ven Thái Bình Dương

B. Phía Đông Nam và ven bờ Đại Tây Dương

C. Phía Nam và ven Thái Bình Dương

D. Phía Đông và ven vịnh Mêhicô

Câu 11. Hoa Kỳ có nền công nghiệp đứng hàng đầu thế giới nhưng giá trị sản lượng của

nông nghiệp năm 2004 chỉ chiếm tỉ trọng trong GDP là

A. 1.9% B. 0,9% C. 1,1% D. 1,2%

Câu 12. Các ngành hàng không - vũ trụ, hoá dầu, công nghệ thông tin... phân bố tập

trung ở khu vực nào của Hoa Kì?

A. Vùng núi Coóc-đi-e và ven Ngũ Hồ. B. Phía nam và vùng Trung tâm.

C. Ven Thái Bình Dương và phía nam. D. Vùng Đông Bắc và ven Ngũ Hồ.

Câu 13. Các ngành công nghiệp hiện đại của Hoa Kì phân bố chủ yếu ở

A. ven vịnh Mê-hi-cô và vùng Trung tâm.

B. phía nam và ven Thái Bình Dương.

C. vùng Đông Bắc ven Đại Tây Dương.

D. cùng núi Coóc-đi-e và ven Đại Tây Dương.

**Câu** 14. Trong cơ cấu GDP, tỉ trọng ngành dịch vụ của Hoa Kì

 **A.** thấp hơn nông nghiệp. **B.** cao nhất.

 **C.** thấp hơn công nghiệp. **D.** thấp nhất.

**Câu** 15. Phân bố sàn xuất nông nghiệp ở Hoa Kỳ thay đổi theo hướng.

A. Đa dạng hóa sản xuất nông sản trê cùng một lãnh thổ.

B. Hình thành các vành đai chuyên canh phục vụ xuất khẩu.

C. Tăng cường chuyên môn hóa sản xuất ở vùng trung tâm.

D. Phát triển hình thức trang trại cả về số lượng và quy mô

**Câu** 16. Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ như luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất, dệt… tập trung chủ yếu ở vùng

A. Đông Bắc B. ven Thái Bình Dương

C. Đông Nam D. Đồng bằng Trung tâm

**Câu** 17. Vùng “Vành đai mặt trời” của Hoa Kì là

**A.** ven Thái Bình Dương và phía nam. **B.** vùng Trung tâm.

**C.** vùng phía Đông. **D.** dọc biên giới với Ca-na-đa.

**Câu *18. Cho bảng số liệu:***

GDP CỦA THẾ GIỚI, HOA KÌ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC KHÁC NĂM 2014

(Đơn vị: USD)



Năm 2014, GDP của Hoa Kì chiếm

**A.** 25,8% của thế giới. **B.** 28,5% của thế giới.

**C.** 22,2% của thế giới. **D.** 23,4% của thế giới.

**Câu 19.** Cho bảng số liệu sau:

GDP CỦA HOA KÌ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC, NĂM 2004

*(Đơn vị: Tỉ USD)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Toàn thế giới** | **40887,8** |
| Hoa Kì | 11667,5 |
| Châu Âu | 14146,7 |
| Châu Á | 10092,9 |
| Châu Phi | 790,3 |

*(Nguồn: SGK Địa 11)*

**Câu** 20. Theo bảng số liệu trên, năm 2004 GDP của Hoa Kì chiếm khoảng

**A.**1,93% GDP thế giới.

**B**.24,7% GDP thế giới.

**C**.28,5% GDP thế giới.

**D**.34,6% GDP thế giới

**Câu 21.** Để so sánh giá trị GDP của Hoa Kỳ và một số châu lục năm 2004, dạng biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ dạng

**A**. cột**. B.** đường . **C.** tròn**. D.** miền.

**Câu** 22. Nền nông nghiệp Hoa Kì có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Nhiều núi trẻ và bồn địa rộng lớn. | **B.** Các đồng bằng phù sa màu mỡ. |
| **C.** Sông chảy trên địa hình khá dốc. | **D.** Khí hậu phân hóa, lượng mưa ít. |

 **Câu** 23. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM CỦA HOA KỲ QUA CÁC NĂM (2000- 2014)

|  |  |
| --- | --- |
| Năm | Chỉ số tăng trưởng (%) |
| Trâu | Bò | Lợn | Gia cầm |
| 2000 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 2005 | 88,4 | 177,8 | 223,8 | 204,7 |
| 2010 | 100,8 | 186,3 | 238,5 | 279,8 |
| 2014 | 108,0 | 296,8 | 385,5 | 298,8 |

**Câu** 24: Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

1. Đàn lợn có tốc độ tăng nhanh nhất.
2. Đàn gia cầm có tốc độ tăng nhanh thứ ba.
3. Đàn bò có tốc độ tăng nhanh thứ hai.
4. Giai đoạn 2000- 2014, tất cả đàn gia súc, gia cầm của Hoa Kỳ đều tăng liên tục.

**Câu** 25. Giao thông vận tải đường biển ở Hoa Kỳ phát triển mạnh **không** phải là do **thông hiểu)**

1. Nhu cầu vận chuyển hành khách rất lớn.
2. Vị trí địa lý nằm giữa hai đại dương lớn.
3. Đường bờ biển dài, nhiều vịnh biển kín.
4. Khối lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu lớn.

**Câu** 26. Cho biểu đồ sau:

**BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1995 – 2010**

**(Đơn vị %)**

|  |
| --- |
| Description: C:\Users\Administrator\Desktop\2016-11-15_204546.png |

Dựa vào biểu đồ trên, hãy xác định nhận xét nào sau đây đúng?

**A.** Tỉ trọng giá trị nhập khẩu của Hoa Kì luôn trên 50%

**B.** Tỉ trọng giá trị xuất khẩu của Hoa Kì luôn trên 50%

**C.** Tỉ trọng giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu

**D.** Hoa Kì là nước xuất siêu

Câu 27. . Ngành nào sau đây hoạt động khắp thế giới, tạo ra nguồn thu lớn và nhiều lợi

thế cho nền kinh tế của Hoa Kì hiện nay?

A. Ngân hàng và tài chính. B. Du lịch và thương mại.

C. Hàng không và viễn thông. D. Vận tải biển và du lịch.

**Câu** 28. Trong cơ cấu ngành công nghiệp hiện nay của Hoa Kì, các ngành nào sau đây có tỉ trọng ngày càng tăng?

A. Luyện kim, hàng không – vũ trụ.

B. Dệt, điện tử.

C. Hàng không - vũ trụ, điện tử.

D. Gia công đồ nhựa, điện tử.

**Câu** 29. Ý nào sau đây là đúng khi nói về sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ Hoa Kì?

A. Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.

B. Ngành ngân hàng và tài chính chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ nước mình.

C. Thông tin liên lạc rất hiện đại, nhưng chỉ phục vụ nhu cầu trong nước.

D. Ngành du lịch phát triển mạnh, nhưng doanh thu lại rất thấp.

**Câu** 30. Ý nào sau đây không đúng về thuận lợi chủ yếu để phát triển kinh tế của Hoa Kì?

A. Tài nguyên thiên nhiên giàu có.

B. Nguồn lao động kĩ thuật dồi dào.

C. Nền kinh tế không bị chiến tranh tàn phá.

D. Phát triển từ một nước tư bản lâu đời.

Câu 31. Nhận xét nào sau đây không đúng về ngành thông tin liên lạc của Hoa Kì?

A. Thiết lập hệ thống định vị toàn cầu.

B. Rất hiện đại, có số lượng vệ tinh nhiều nhất.

C. Có tốc độ tăng trưởng ở mức trung bình.

D. Cung cấp dịch vụ viễn thông cho nhiều nước.

Câu 32. Ý nào sau đây thể hiện đúng xu hướng thay đổi của trang trại ở Hoa Kì hiện

nay?

A. Số lượng trang trại và quy mô diện tích trang trại đều tăng.

B. Số lượng trang trại tăng, quy mô diện tích trang trại giảm.

C. Số lượng trang trại giảm, quy mô diện tích trang trại tăng.

D. Số lượng trang trại và quy mô diện tích trang trại đều giảm.

Câu 33. Nhận xét nào sau đây không đúng về ngành nông nghiệp của Hoa Kì hiện nay?

A. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.

B. Nền nông nghiệp hàng hoá phát triển mạnh.

C. Xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.

D. Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại

VẬN DỤNG ( tiết 1+2)

**Câu 1.** Chứng minh Hoa Kì là đất nước của những người nhập cư và những người nhập cư có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tê của Hoa Kì.

Câu 2: Nêu ảnh hưởng (tích cực và tiêu cực) của dân nhập cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Hoa Kì?

**Câu 3.** Cho bảng số liệu: **(Vận dụng cao)**

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ QUA CÁC NĂM  *(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2016** | **2018** |
| **Xuất khẩu**  | 584,7 | 1450,5 | 2510,3 |
| **Nhập khẩu**  | 770,9 | 2248,2 | 3148,5 |

Câu 4.Cơ cấu ngành kinh tế của Hoa Kì có sự chuyển dịch như thế nào? Giải thích nguyên nhân?

**Câu 5:** Tại sao khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kì?

**Câu 6:** Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA HOA KÌ QUA CÁC NĂM

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** |
| GDP/người (*Đô la Mỹ)* | 48467 | 56803 | 62795 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ thể hiện GDP/người của Hoa Kì qua các năm trên.

b. Hãy giải thích tại sao GDP/người của Hoa Kì cao và tăng qua các năm?

**Câu 7. Cho bảng số liệu sau**

Tổng sản phẩm trong nước của Hoa Kì từ 2010 – 2018 (đơn vị: triệu đô la Mỹ)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 |
| GDP (triệu USD) | 14.992.053 | 18.219298 | 18.707.188 | 19.485.394 | 20.544.343 |

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện tổng sản phẩm trong nước của Hoa Kì từ 2010 – 2018? (1,5đ)

b. Từ biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra những nhận xét cần thiết? (0,5đ)

**Câu 8.** Dựa vào kiến thức đã học, em hãy giải thích tại sao Hoa Kì trở thành quốc gia có nền kinh tế đứng đầu thế giới?

**Câu 9:** a) Vì sao Hoa Kì là quốc gia nhập siêu?

bTại sao dân cư Hoa Kì có sự di chuyển từ vùng Đông Bắc xuống phía Nam và ven Thái Bình Dương?

**Câu 10:**

1. Nguyên nhân ảnh hưởng đến chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế của Hoa Kì.
2. Giải thích tại sao Hoa Kì là một quốc gia có nền kinh tế phát triển nhưng vẫn nhập siêu.

**Câu 11.** Nhận xét xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của Hoa Kì và giải thích nguyên nhân?

**Câu 12:**Vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên có thuận lợi gì đối với sự phát triển nông nghiệp của Hoa Kì?

**Câu 13.** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2015 – 2019.

*(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2018** | **2019** |
| Xuất khẩu | 2265.9 | 2374.6 | 2528.7 | 2514.8 |
| Nhập khẩu | 2792.4 | 2930.1 | 3138.2 | 3125.2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

 Theo bảng số liệu, cho biết năm nào Hoa Kì có giá trị nhập siêu nhỏ nhất, năm nào Hoa Kì có tổng kim ngạnh xuất nhập khẩu lớn nhất? Tại sao Hoa Kì lại là quốc gia nhập siêu?

**Câu** 14. Tại sao nói vị trí địa lí tạo điều kiện thuận lợi cho Hoa Kì phát triển kinh tế?

**Câu** 15. Nguyên nhân nào ảnh hưởng đến sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì ?

**Câu 16.( 2 điểm)**

Cho bảng số liệu GDP của Hoa Kì và một số nước trên thế giới năm 2017( Đơn vị : tỉ USD)

|  |  |
| --- | --- |
| **Toàn thế giới** | **79865,5** |
| Hoa Kì  | 19.390,6 |
| Châu Âu | 17.308,8 |
| Trung Quốc  | 12.014,6 |
| Nhật Bản | 4.872,1 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện giá trị GDP của Hoa Kì , châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản.

b. Nhận xét GDP của Hoa Kì , châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản